

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2022

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, **giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 79, Khu phố 12, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 06/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:** Bà **Nguyễn Thị X** và ông **Trần Xuân Đ** tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương vào ngày 06/10/1999. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc do trước đó hai bên tìm hiểu nhau chưa kỹ nên không hiểu về tính cách của nhau nên khi kết hôn về sống chung thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống cũng như tính tình không hợp nhau. Đến năm 2001, do không thể tiếp tục sống chung với nhau nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm gì đến nhau và không liên lạc gì với nhau. **Nay** bà X nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, tình cảm bà X dành cho ông Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông **Trần Xuân Đ**.

Về con chung: Bà X và ông Đ có 01 người con chung là cháu **Trần Xuân T**, sinh

ngày 10/10/1999. Hiện con chung **Trần Xuân T** đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn ông Trần Xuân Đ:** Ông Trần Xuân Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

+ Về mặt nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà X và ông Đ đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, nhận thấy con chung tên Trần Xuân T, sinh ngày 10/10/1999 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tham gia của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ cũng như đã được đăng trên báo Thanh niên 03 kỳ liên tiếp vào các ngày 10, 11, 12 tháng 6 năm 2022 và phát sóng trên kênh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông (VOV AMS) trong 03 ngày liên tiếp 17, 18, 19 tháng 6 năm 2022 nhưng đến nay ông Trần Xuân Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông Đ kết hôn, có đăng ký kết hôn tại phường Phú Cường, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vào ngày 06/10/1999 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn bà X cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống cũng như tính tình không hợp nhau. Từ năm 2001 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm gì đến nhau và cũng không

liên lạc gì với nhau. Nay bà X xác định không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Xuân Đ.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc. Để đạt được mục đích này, vợ chồng phải yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ cho nhau về mọi mặt. Về phía bị đơn ông Trần Xuân Đ đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng ông Đ không chấp hành và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu của bà X, chứng tỏ ông Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà X và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà X yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà X và ông Đ có 01 con chung là **Trần Xuân T, sinh ngày 10/10/1999**. Nhận thấy, con chung **Trần Xuân T, sinh ngày 10/10/1999 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.**

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[6] **Về chi phí chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 4.950.909đ, bà X phải chịu số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, được trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.**

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà X phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn ông Trần Xuân Đ về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Trần Xuân Đ

- Về con chung: Con chung Trần Xuân T, sinh ngày 10/10/1999 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị X không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

+ Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Nguyễn Thị X phải chịu số tiền là 4.950.909đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn chín trăm lẻ chín đồng) được trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

+ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021-0001176 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Cường;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh